

TẬP THƠ “BÓNG CHỮ” CỦA LÊ ĐẠT - NHỮNG TÌM TÒI, ĐỔI MỚI VỀ NGÔN NGỮ

Nguyễn Thị Lan Anh*

Lê Đạt là một trong số những nhà thơ có đóng góp lớn cho sự đổi mới thơ ca đương đại Việt Nam, đặc biệt là trên phương diện ngôn ngữ. Ông nhấn mạnh rằng mỗi nhà thơ phải là một “phu chữ”, luôn miệt mài sáng tạo với những con chữ, bởi theo ông “chữ bầu lên nhà thơ”. Làm thơ, đối với Lê Đạt, là “làm chữ”, và “làm chữ” là cách hữu hiệu nhất để làm mới nghĩa, làm phong phú thêm cho lớp từ vựng tiếng Việt và để khẳng định phong cách, cá tính sáng tạo của mình. Tập thơ “Bóng chữ” của Lê Đạt cho thấy thái độ khước từ hình thức ngôn ngữ thơ ca truyền thống và ý thức mạnh mẽ trong việc sáng tạo một kiểu ngôn ngữ mới.

Từ khóa: Cách tân thơ Lê Đạt, Bóng chữ, đổi mới ngôn ngữ thơ, phu chữ.

Le Dat is one of the poets who have made great contributions to the innovation of contemporary Vietnamese poetry, especially in terms of the Vietnamese language. He emphasized that each poet must be a “phu chu”, the word used by the poet to define whoever devotes his life to word-making, because he believed that “a poet is honored for his words”. Poetry writing, for Le Dat, is an experiment with words or a word game which is the most effective way of making new meanings, enriching the Vietnamese vocabulary and expressing his style and creativity. In his poetry collection - “Shadow of Words”, he rejected the form of the traditional poetic language and showed the strong and acute sense of creating a new language form.

Keywords: innovation in Le Dat's poems, Bong chu, linguistic innovation, phu chu.

Lê Đạt là nhà thơ có nhiều đóng góp quan trọng cho hành trình đổi mới và phát triển thi ca dân tộc. Do chịu sự ảnh hưởng trực tiếp và sâu sắc của nền văn hóa phương Tây và các trường phái triết học, văn học hiện đại như dòng mạch siêu thực, chủ nghĩa cấu trúc, phân tâm học... nên Lê Đạt là một trong số ít các nhà thơ ôm mộng cách tân thơ Việt từ rất sớm. Ông bước chân vào nền thơ với một tâm thế khao khát, một ý thức mạnh mẽ, quyết liệt muốn bứt thoát khỏi những khuôn khổ

chặt hẹp của lối thơ cũ để đi tìm một hướng đi mới, để hòa nhịp với những bước chuyển trong đời sống và tâm hồn con người thời hậu chiến, từ đó đóng dấu ấn cá tính sáng tạo của mình trên nền thơ ca hiện đại Việt Nam. Chính vì vậy, thi nhân đã cùng với những người đồng hội đồng thuyền “kiên quyết khởi lên một cuộc cách tân thơ Việt, đoạn tuyệt Thơ mới, đi tìm những cách biểu hiện mới cho thơ, tạo lập những giá trị chuẩn mực mới của thơ”¹. Nhận thấy thơ ca trước đây mới chỉ dừng lại ở tính chất thơ *Dòng nghĩa*, nghĩa là người làm thơ chưa thực sự xem ngôn ngữ là đối tượng sáng tạo, chưa nhìn

* ThS., Khoa Ngoại ngữ, Học viện Tài chính

Email: lananh130287@gmail.com

ngôn ngữ như một thực thể sống có sự vận động nội tại ở bên trong mà chỉ coi ngôn ngữ là công cụ để truyền tải, chứa đựng thông tin ngữ nghĩa, Lê Đạt cùng với các nhà thơ như Trần Dần, Dương Tường, Đặng Đình Hưng đã lập nên nhóm thơ *Dòng chữ*, khởi xướng một hướng đi mới cho thơ, tách thơ khỏi mạch *Dòng nghĩa* truyền thống để “tạo nghĩa mới cho con chữ, làm sống lại sự trinh nguyên của con âm”² và hướng đến coi bản thân ngôn ngữ là thông tin thẩm mỹ, là cứu cánh, là mục đích của thơ.

Thuộc nhóm thơ *Dòng chữ*, cùng đề cao tính thần *vị chữ* song Lê Đạt lại chọn cho mình một lối đi riêng, thể nghiệm riêng với những con chữ. Nếu như Trần Dần, Dương Tường có những trải nghiệm mới mẻ với thơ ngoài lời, thơ thị giác, thơ âm thanh thì Lê Đạt lại dành cả tâm huyết của mình với những con chữ. Ông đã từng bộc bạch: “Tôi không thích những thần đồng. Tôi yêu những người lao động có tri thức, một nắng hai sương trên cánh đồng chữ”. Thi sĩ cho rằng “thơ là máu chữ” và “nhà thơ là phu chữ”. Vì lẽ đó, Lê Đạt cần mẫn và miệt mài sáng tạo ngôn ngữ. Làm thơ, với ông là “làm chữ” và “làm chữ” là cách hữu hiệu nhất để sống một cách táo bạo, đích thực, để làm mới nghĩa và làm phong phú thêm cho lớp từ vựng Tiếng Việt và để khẳng định phong cách, cá tính sáng tạo của mình. Đến với vùng đất thơ ca, khi thỏa trí sáng tạo, nhà thơ có thể tự do sống một cuộc đời khác: “Cắt lời cho chúng ta sự táo bạo để sống một cách khác”.

“*Bóng chữ*” là một tập thơ có vị trí quan trọng đặc biệt với đời thơ Lê Đạt,

cho thấy một khí chất riêng không thể trộn lẫn của ông với các nhà thơ cùng thời. Trong “*Bóng chữ*”, Lê Đạt đã có những cách tân rõ nét về hình thức tác phẩm, về kỹ thuật thơ, về bút pháp và đặc biệt là về phương diện ngôn ngữ. Đằng sau mỗi chữ, một câu thơ là sự trăn trở tìm tòi thăm lặn và ý thức sáng tạo nghiêm túc, quyết liệt của tác giả. Mỗi bài thơ trong “*Bóng chữ*” không chỉ đem đến cho độc giả những cảm nhận lạ, mới về ngôn từ mà còn mang lại cho họ hứng thú của một cuộc phiêu lưu, trải nghiệm trên nền tảng biến hóa khôn lường của từng con chữ. Thi sĩ từng nhấn mạnh: “Người làm thơ thể hiện một trò chơi nghiêm túc, sử dụng những phép tu từ học (ám dụ, hoán dụ, lược tính, nói lái, nói lồi...) như một đứa trẻ chơi với những đồ vật xung quanh... Người làm thơ chơi những phép tu từ như một thứ bầy vô thức. Anh ta sinh sự với ngữ nghĩa và ngữ pháp để tạo ra một sự sinh mới cho thơ. Người làm thơ ráp tam biến ngôn ngữ tiêu dùng thành một thứ ngôn ngữ trò chơi mới trong một trạng thái nửa tỉnh nửa mơ mà R. Barthes gọi là một sự chú ý bông bênh... Nhà thơ cũng như đứa trẻ không chơi đùa mà chơi thật khiến trò chơi chữ không còn là một trò chơi đơn thuần dựa trên óc thông minh của một người tỉnh táo mà dựa trên toàn bộ trí năng cũng như cảm năng của một kẻ đam mê bị thánh óp trong một cơn thượng đồng của chữ”. Qua “*Bóng chữ*”, nhà thơ đã thực sự biến không gian thơ thành không gian của một cuộc chơi với chữ, với câu, để cho từng câu, từng chữ được biểu hiện đến tận cùng những giá trị tự thân và người chơi thơ, đọc thơ thì được thể nghiệm tận cùng những xúc cảm đa

dạng của một người đi giải đồ từ lạ lẫm, bản khoả đến mừng vui, húng khởi. Ngôn ngữ trong “*Bóng chữ*” là một kiểu ngôn ngữ được *lạ hóa* triệt để và nó thực sự trở thành một sinh thể có sức sống nội tại riêng, có sự vận động và liên kết chặt chẽ trong mạch ngầm sáng tạo, cảm xúc của thi nhân.

Nhà ngôn ngữ học Cao Xuân Hạo trong cuốn “*Tiếng Việt, mấy vấn đề ngữ âm ngữ pháp ngữ nghĩa*” đã chỉ ra: theo quan niệm truyền thống, nói đến nghĩa, người ta thường nghĩ đến nghĩa của từ và cũng chỉ bàn đến thứ nghĩa đó thôi chứ chưa thấy cần phải phân tích nghĩa của câu, vì nghĩ rằng nó chẳng qua là nghĩa của các từ kết hợp lại mà thành. Cho nên khi tiếp cận nghĩa của câu, người ta có xu hướng xem xét nghĩa của các từ và phân tích nghĩa của câu trong sự tổng hòa đơn thuần nghĩa của các từ ấy. Và khi tạo câu, người ta lập ý trước rồi mới lập từ. Câu lúc này chẳng qua chỉ là một mô hình kết hợp các từ để lấp đầy phần ý mà con người muốn nói. Quan niệm này về ngôn ngữ đã ăn sâu vào tiềm thức của mỗi người, trở thành thói quen tư duy khó bỏ và ảnh hưởng không nhỏ đến người làm thơ. Trong thơ ca trung đại, nhà thơ thường lấy nghĩa ứng trước để làm hệ quy chiếu khi chọn chữ, đặt câu. Thơ lúc này là nơi thể hiện tinh thần, đạo đức Nho giáo phong kiến. Thơ là để nói chí tỏ lòng. Cho nên khi làm thơ, tác giả thường xác lập ý nghĩa của thi phẩm trước khi chọn lựa cho nó một phương thức biểu đạt. Sau này, Thơ mới mặc dù đã bút thoát được những khuôn khổ tư tưởng và những quy tắc, luật lệ chặt chẽ của thơ Đường thi, giải phóng

được tự do các nhân, biểu đạt được những khoái cảm thâm mỹ riêng nhưng vẫn chú trọng nhiều đến phần hồn, phần phách của thơ chứ chưa đặt nặng phần ngôn thể. Ngôn ngữ trong Thơ mới vẫn là công cụ biểu đạt cho tư tưởng nhà thơ chứ chưa thật sự là trung tâm của mọi sự sáng tạo.

Đến Lê Đạt, ông nhận thức rõ ràng rằng “trong một bài thơ cổ điển, nghĩa thường đến đúng hẹn. Trong một bài thơ hiện đại nghĩa thường đến trễ giờ”. Vậy nên với “*Bóng chữ*”, ông đặt chữ làm trung tâm của sự sáng tạo, làm cội nguồn của sự phát nghĩa: “Cho rằng ngôn ngữ có thể hoàn toàn giải mã được là loại trừ nghĩa (sens) hoặc rút gọn nó thành những định nghĩa (signification). Định nghĩa minh bạch và hữu hạn. Nghĩa mơ hồ và bất tận. Nghĩa có những khoảng trống không thể lấp đầy dành cho cơ may” (Lê Đạt - *U75 Từ tình*). Nhà thơ ý thức được ngôn ngữ vốn tự nó là một thực thể gồm phần âm thanh (son) và ý nghĩa (sens). Phần âm và phần nghĩa của chữ vốn gắn bó chặt chẽ với nhau cùng hoạt động trên hai địa hạt đó là *biểu thị* và *hình dung*. Trên địa hạt *biểu thị*, chữ hoạt động với tư cách là kí hiệu, âm (thể) và nghĩa (phách) đi liền với nhau. Ở đây, nghĩa của từ sẽ là cái quen thuộc, cái có sẵn, cái đã quen, cái đã trở thành định nghĩa trong từ điển, là cái hữu hạn. Trên địa hạt *hình dung*, chữ và nghĩa không song song đồng hành mà âm đi trước, nghĩa theo sau. Lúc này, các từ sẽ tự thân trở thành những sinh thể sống. Các âm có sự vận động riêng, phối kết hợp với nhau để cùng tạo sinh ra những nghĩa mới, những bóng chữ vô hình ở sau cái khuôn âm thanh chật hẹp.

Khi sáng tác, người làm thơ không thể loại bỏ một trong hai nhưng phải hướng được thơ sang địa phận *hình dung*. Có như thế mới tạo được các tầng nghĩa *mơ hồ* và *bất tận* cho thơ.

“*Bóng chữ*” là tập thơ kết tinh những trăn trở dài lâu của Lê Đạt về chữ và nghĩa, “nhà thơ làm chữ chủ yếu không phải ở nghĩa tiêu dùng, nghĩa tự vị của nó mà ở diện mạo, âm lượng, độ vang vọng, sức gợi cảm của chữ trong mối tương quan với câu thơ, bài thơ”. Nghĩa của từ trong mỗi thi phẩm “*Bóng chữ*” không phải là nghĩa tiền sinh tự điển, nghĩa tiêu dùng, nghĩa sẵn có của các từ mà là nghĩa được khai sinh, phát sinh trong mối liên hệ của các chữ với nhau trong câu.

Có thể thấy những tìm tòi, cách tân về ngôn ngữ của Lê Đạt trong tập thơ này được thể hiện nổi bật ở những điểm sau:

Thứ nhất, tác giả đã chú ý khai thác những đặc tính ngữ âm của chữ, các yếu tố thanh âm của câu thơ, bài thơ. Như đã nói, vấn đề nghĩa “tiêu dùng”, nghĩa giao tiếp không phải là vấn đề thi nhân đặt lên đầu. Cái mà ông quan tâm là hình thức cảm tính của ngôn từ. Ông làm thơ theo lối: âm đi trước nghĩa. Sự giao thoa, cộng hưởng giữa các âm sẽ sinh ra các lớp nghĩa, “sức vang của chuỗi âm thanh sẽ làm nên tiếng vọng của các tầng nghĩa”. Ông “sinh sự” với chữ để tạo ra “sự sinh” của nghĩa. Chủ trương làm thơ theo “chiều năng nghĩa” của con chữ nên trong tập “*Bóng chữ*” Lê Đạt sử dụng khá nhiều những nguyên âm đơn như *ô, e, ơ, u...* là những âm chưa thụ nghĩa, đặt chúng vào những vị trí có thể tạo nghĩa.

- Máy kéo gặm xứ đồng tơ ơ cỏ

(Sông quê II)

- Ú ớ mơ ngàn / một giấc chim xuân
(Nụ xuân)

- Bờ cầu u ơ nắng đỏ (Chùa Hương)

- U ú thiên hà / tàu nhả khói / ngã ba
(Mới tuổi)

- Chương trình yêu / phiếu đục thừa lỗ
nhớ

Mạch loạn dòng / tâm lưỡng số u ơ

(Tình điện toán)

- Tim ù ù / gió ú / một nguyên âm

(Dấu chân)

- Phở cũ ồ lên đèn (Quen lạ)

- Oi em rất ô

Oi em rất hồ

Nắng vỗ ồ hô trúc bạch

Bước động ngày thon róc rách

(Vào hè)

Nguyên âm đơn vốn là những âm thuần khiết, âm khởi thủy trong sự phát âm của con người. Bằng cách sử dụng những nguyên âm này nhà thơ gợi lại cho người đọc cảm thức về cội nguồn, về sự trong ngần, nguyên thủy ban sơ. Nguyên âm *u, ơ* được phối âm rất lạ với các thanh điệu khác nhau, hòa âm với những chữ kề cận: “*đồng tơ ơ cỏ*”, “*ú ớ mơ ngàn*”, “*u ơ nắng đỏ*”, “*tâm lưỡng số u ơ*” gợi lên sự xanh non, sức sống của sự vật (cỏ), sự mộng mị, mờ ảo (mơ), sự ngập ngừng của hiện tượng thiên nhiên (nắng), trên hết là sức sống dồi dào, căng tràn của con người tuổi trẻ (thuở ban sơ), tình yêu tha thiết nhưng

còn ngập ngừng, dè dặt (tâm lưỡng). Các âm *ô, u* vốn là các âm tròn môi, vốn không có nhiều nghĩa từ vựng tự điển khi đi vào thơ Lê Đạt đã gợi nên sự tròn trịa, căng đầy cho sự vật, cho con người (*“ú ú thiên hà”, “tim ù ù, gió ú”*), tạo được nét đẹp thanh tân, nửa thực, nửa ảo của thiếu nữ (*“oi em rất ô - oi em rất hồ - nắng vồ ở hồ Trúc Bạch”*).

Trong *“Bóng chữ”*, thi nhân còn rất thích chơi chữ dựa vào các đặc tính của âm. Ông chơi chữ Tây:

Nắng tạnh heo may hoa lạnh

Mimôza chiều khép cánh mi môi xa

(Mimôza)

Một từ mimoza được cắt thành ba chữ *“mi môi xa”*. Cách phối âm từ âm *i* (âm hẹp) qua âm *ô* (âm hơi lớn) đến âm *a* (âm lớn) kết hợp với cách lặp âm *m* (âm môi) thực là tài tình, bởi nó vừa gợi lên được trạng thái mở dần đều của bông hoa, vừa gợi lên được sự chia ly, xa cách của con người trên cả hai phương diện địa lý và tâm hồn. Một *“mimoza khép cánh”* thu mình trong cô đơn với một *“mi môi xa”* phân rã, ly tan đối lập nhau tạo nên không gian đa chiều của tâm trạng.

Lê Đạt còn thần tình hơn khi chơi chữ Ta:

Hay em biến trong gương

một người giống em

trở lại

Má má môi

mà mỗi mỗi xa

(Gương)

Sự nhại âm *m* đã tạo ra một sự đối sánh gương cho thực thể yêu đương: khi còn thăm thiết, gần gũi (*“má má môi”*) và khi đã chia xa (*“mỗi mỗi xa”*). Sự ngắt âm, phân chia câu từ đã tạo nên thể đối sánh, soi chiếu giữa quá khứ và hiện tại, hình và bóng, gần và xa, còn và mất... qua đó gợi lên tâm trạng buồn nhớ thiết tha của con người khi tình yêu tan vỡ.

Trong tập thơ này, hiện tượng gieo vần lưng, vần chân cũng khá phổ biến làm cho câu thơ Lê Đạt vừa có *“cấu trúc lời thơ tân kỳ, vừa đậm âm hưởng dân tộc”*³:

Em đùa em lấy chồng

Hoa cho bông chết đắng

Anh lòng anh hái hoa

Hoa hái hoa bông thắm

Hoa bông hoa rỏ hồng

Hoa hồng bông hồng bông

(Hái hoa)

Sự giao thoa, cộng hưởng giữa các vần *“chồng - bông - hồng - bông”, “(chết) đắng - thắm - (rỏ) hồng - bông”* góp phần tái hiện tâm trạng tuyệt vọng, quẩn quanh của nhân vật trữ tình khi người yêu đi lấy chồng. Sắc đỏ của hoa - trên cơ sở sự cộng hưởng các âm vần - khiến người đọc liên tưởng đến nỗi khổ đau và trái tim nhỏ máu tan vỡ của chàng trai.

Như vậy, những yếu tố ngữ âm với các đặc tính đa dạng đã tham gia vào việc lập nghĩa cho thơ Lê Đạt, thể hiện nhãn quan cuộc sống, tạo dựng miền cảm giác cho người đọc.

Thứ hai, trong tập “Bóng chữ”, nhà thơ sử dụng triệt để phương thức tính lược những dấu hiệu liên kết logic hình thức giữa các đơn vị từ trong câu để dồn nén từ vào câu thơ, phá vỡ tính liên tục của cú pháp câu thơ, tạo nên những “khoảng trắng”, những “điểm đứt quãng” giữa các con chữ.

Xét về sâu xa, nền móng cho những sáng tạo này của Lê Đạt chính là đặc trưng độc đáo của tiếng Việt. Tiếng Việt vốn là thứ tiếng thuộc loại hình ngôn ngữ đơn lập, số lượng âm tiết trùng với tiếng, hình vị, từ đơn khá nhiều. Do vậy, bản thân các hình vị hay âm tiết đều tiềm tàng khả năng phát nghĩa. Thêm nữa, quan hệ dạng thức giữa các hình vị trong từ, giữa các từ trong kết cấu lại rất lỏng lẻo nên người ta có thể có nhiều cách phân tách vị trí các cụm từ khi không có dấu câu, cũng có thể chêm xen hoặc lược bớt đi một vài thành phần với chủ ý tạo nên nhiều cách hiểu. Trên vùng đất ngôn ngữ màu mỡ, phì nhiêu như thế, Lê Đạt quả thực đã tìm được nơi canh tác cho thơ của mình.

Những con chữ trong thơ ông không bao giờ trùng khít hoàn toàn mà giữa chúng bao giờ cũng tồn tại những *khe hở* có chủ đích. Giữa các từ trong câu luôn có một vị trí trống để người đọc thêm vào, hoặc ngắt mạch diễn giải câu thơ theo ý hiểu của mình.

Em về trắng đầy cong khung nhớ

(Bóng chữ)

Những dấu hiệu định hướng cảm thụ để người đọc ít nhất có thể hiểu câu thơ theo một nghĩa thống nhất đã bị lược bớt đi. Cách diễn giải sau là một cách hiểu: “Em

về [mang theo] đầy sắc trắng [làm] cong khung nhớ”. Và như thế nghĩa là tác giả đã cụ thể hóa nỗi nhớ bằng cách tạo cho nó một hình hài mang tính vật chất. Song với cách ngắt nhịp khác, chẳng hạn: “Em về/trắng/đầy cong khung nhớ” thì câu thơ lập tức sẽ mang một sắc thái khác: màu trắng dường như là màu của kí ức, ẩn ức ám ảnh và trở thành ẩn tượng khó quên trong tâm hồn nhân vật trữ tình. Sắc trắng, như là biểu tượng của sự trinh nguyên, tinh khôi của người con gái, đánh thức một nỗi niềm nhớ thương ảo vọng về quá khứ, khơi dậy khao khát muốn vươn tới, muốn hòa hợp. Nếu ngắt thành: “Em về/trắng đầy cong/khung nhớ” thì câu thơ lại vẽ lên được một bức tranh tuyệt mỹ về vẻ đẹp tròn đầy, căng tràn nhựa sống tuổi xuân của người thiếu nữ.

Phương thức tính lược đã giúp nhà thơ “hạ bệ ngữ pháp tự nhiên và xác lập một ngữ pháp của thơ của riêng mình, làm sống dậy những vĩa từ, quãng chữ, biến chúng thành vàng ròng”⁴, tạo nên sự vận động, biến thiên không ngừng về nghĩa cho câu thơ tùy theo cảm quan tiếp nhận của độc giả:

Tóc hoa đèn / tim lần giờ trang em

Tóc / hoa đèn / tim / lần giờ trang em

Tóc / hoa / đèn / tim / lần giờ trang em

Tóc hoa / đèn tim / lần / giờ / trang em

.....

Câu thơ Lê Đạt do đó dù không có sự tròn trịa về cú pháp thì từ theo quan niệm truyền thống khi tạo lập nhưng đến giai đoạn tiếp nhận lại có sự tròn đầy về ý nghĩa. Nhà thơ đã thực sự thành công

trong việc đánh thức logic tư duy, kết nối với vùng liên tưởng trong tiềm thức sâu kín của độc giả, lôi kéo họ tham gia vào quá trình đồng sáng tạo với mình. Thơ Lê Đạt là thứ thơ đa chiều, nhiều tầng nghĩa tiếp nhận, là thơ sinh nghĩa trên nền sự tương tác giữa thi nhân và độc giả. Tác phẩm của ông như thế đã tiệm cận với quan niệm *ngôn tận ý bất tận* của cổ nhân.

Thứ ba, song song với phương thức tình lược, Lê Đạt đã sử dụng thủ pháp “cắt dán” từ ngữ, phá vỡ quan hệ hình tuyến giữa các từ, “bẻ gãy” kết cấu thông thường của câu thơ khiến cho mỗi thi phẩm của ông giống như một bức tranh lập thể về ngôn từ.

Tính chất lập thể của chữ trong tập “*Bóng chữ*” được thể hiện trước hết ở lối tư duy *lạ hóa* cấu trúc ngôn từ của bài thơ. Các chữ quen được đặt trong chỗ lạ, những từ vốn ít liên quan đến nhau trên thực tế lại được xếp đặt kề cận bên nhau:

Tóc trắng tầm xanh qua cầu với gió

Đùi bãi ngô non

ngo ngó sông đầy

Cây gạo già

lời tình

lên hiệu đỏ

La lá cành

cởi thăm

để hoa bay”

(Quan họ)

Bài thơ gợi lên trong trí người đọc những ấn ức về các câu ca dao, dân ca về hoa tầm xuân, nụ tầm xuân, điệu lý qua

cầu, điệu hát yêu nhau cởi áo cho nhau. Xong cách diễn đạt của nhà thơ lại lơ cỡ giống như lời của con trẻ đang tập nói, vẫn còn ngọng nhịu và chưa biết cách ghép chữ sao cho đúng, cho hợp nghĩa. “*Tầm xanh*” hay là “*tầm xuân*”, “*cởi thăm*” hay là “*cởi yếm*”. Rồi chữ “*đùi*” vốn dùng để nói về con người, nay lại đưa vào để nói về “*bãi ngô non*”. Khi thấy một cách nói lạ, nhịu như thế, người đọc thường vô thức tự sắp xếp lại, cải chính lại câu, từ cho đúng cho với văn hóa thông thường. “*Tầm xanh*” nếu chữa lại theo logic bình thường sẽ là “*tầm xuân*”. “*Tầm xanh*” nói lái, nói nhịu đi thì là “*tìm anh*”. Vậy là bản thân câu thơ đã xuất hiện hai nghĩa: người tóc bạc đi tìm lại tuổi trẻ, sự nhiệt thành thanh xuân trong các bài quan họ; hoặc người ấy đang nghe quan họ để tìm lại cảm xúc của một tình yêu đã mất. Cũng tương tự như thế, “*đùi bãi ngô non*” có thể hiểu thành “*đùi non*” người thiếu nữ. Người và tạo vật đã hòa vào nhau, sự *nhịu lời* đã chuyển dần sang sự *nhịu tình*.

Như chúng ta đã biết, quan hệ của các từ trong câu được chia thành: quan hệ dọc và quan hệ ngang. Quan hệ ngang là quan hệ tuyến tính, kết hợp giữa các từ, đảm bảo tính liên mạch cho phát ngôn. Quan hệ dọc là quan hệ liên tưởng giữa các từ có thể thay thế nhau trên cùng một vị trí. Lê Đạt đã tạo nên những kết hợp tuyến tính lạ để đánh thức sự liên tưởng của người đọc, thúc đẩy họ tìm ra những bóng chữ (trong quan hệ dọc) phía sau. Câu thơ của ông nhờ vậy luôn lấp ló những tầng nghĩa tiếp nhận đa chiều.

Tính chất lập thể trong các bài thơ “*Bóng chữ*” còn biểu hiện ở lối phá vỡ

kết cấu câu thơ, sắp xếp các từ lộn xộn không theo trật tự thông thường. Theo nhà Việt ngữ học người Pháp L.Cadière, người Việt có thói quen cái gì thấy trước, xảy ra trước thì nói trước, cái gì thấy sau, xảy ra sau thì nói sau. Từ đó hình thành trật tự từ câu tiếng Việt một cách cố định. Trật tự từ trong tiếng Việt, bởi vậy, có tính cú pháp, là một yếu tố cú pháp.

Thơ Lê Đạt giải phóng câu, từ khỏi ràng buộc của trật tự cú pháp. Các chữ nằm lộn xộn trên trang giấy như chờ người đọc xếp đặt lại theo cách của mình:

- Thời gian mù bạc đầu lau ăn lỏi
Đảo vô tâm
neo buột nhớ
mưa dầm
(Quê tằm xuân)
- Ngõ thông lạnh ống sơ mi đường cụt
Cột đèn chột
chống một chân
(Em đi)
- Tim ghép ngọt
gốc cần xuân bỏ hóa
Máu chữa hoàn hồng
tình cả dậy non
Mộng đắng ngả
bướm vằn son ăn mạ
Vô tâm
hay em ghép quả bồ hòn
(Ghép tim)

Ngôn từ trong câu thơ ông bị xô lệch, bị kéo giãn trong một không gian dường như hỗn loạn. Cấu trúc cú pháp của câu thơ lại khá phóng túng, cách ngắt nhịp, xuống dòng tự do. Cách sắp đặt ngôn từ như vậy cho thấy nhãn quan nghệ thuật của nhà thơ không hướng đến tính toàn thể mà hướng đến tính phân mảnh của hiện thực và tâm hồn con người. Độc giả phải chủ động liên kết, sắp xếp lại những mảnh nhỏ đó để tạo nên một bức tranh thơ hoàn chỉnh cả ý và lời.

Thứ tư, ngôn ngữ thơ Lê Đạt trong “Bóng chữ” là thứ ngôn ngữ trình nguyên của hiện tại mang đậm sắc màu của những ẩn ức, hồi tưởng.

Thụy Khuê đã từng nhấn mạnh: “Lê Đạt là một thiên tài ký ức”⁴. Quả đúng như vậy. Nhân vật trữ tình trong “*Bóng chữ*” luôn có khuynh hướng hoài cổ, nhìn lại phía sau, tưởng nhớ những gì đã qua. Chính điểm nhìn, con mắt thơ ấy là một điểm tựa của thi nhân trong quá trình tạo chữ cho tác phẩm của mình. Những chữ như: “*tìm về, bỏ dờ, mộng, khua*” (Át cơ), “*sơn, bụi*” (Xung danh), “*sốt lại, quên mất*” (Kết luận), “*năm tháng mài mòn*” (Cha tôi), “*đã vãng, thuở xanh hai, phút quê xưa*” (Thuở xanh hai), “*khi gió mùa*” (Gốc khế), “*ngày cũ*” (Anh muốn), “*cổ tích, mây trắng ngàn năm, mùi mưa xưa*” (Chiều Bích Câu), “*đất xưa cỏ đắng*” (Thủy lợi), “*anh vẫn bắt em xa*” (Quá em), “*xuân mỗi lần mỗi quen - xuân lần xuân mỗi lạ*” (Quen lạ), “*tâm xuân*” (Mới tuổi), “*thời thơ thiếu nhỏ, khung nhớ, mưa mấy mùa/mây mấy độ thu*” (Bóng chữ), “*quá khứ, truyện cổ, tuổi nhỏ*” (Mơ ngày), “*huyền thoại*” (Truyện bò câu), “*neo buột*

nhớ” (Quê tầm xuân), “*mùa nhỏ xưa, thuở đầu dòng*” (Thuở đầu dòng), “*thuở ấy, tiếng ngàn xưa*” (Cỏ lú), “*quây tìm xưa*” (Mộng cũ)... đã mở ra một không gian hoài ức mệnh mông cho “*Bóng chữ*”. Nỗi nhớ, hoài niệm về tuổi thơ, tuổi trẻ và về tình yêu của con người thuở ban đầu với đầy đủ những cung bậc từ e ấp, ngu ngơ đến say mê, mãnh liệt cứ thế chảy tràn ra trên từng trang giấy. Cùng với đó, việc nhắc đến các nhân vật lịch sử, tên gọi mang tính lịch sử như Đề Thám, Phan Chu Trinh, An Nam, Kiều... cũng làm cho “*Bóng chữ*” còn nhuộm sắc màu hoài niệm về lịch sử.

Ngoài ra, những ẩn ức của ngôn từ “*Bóng chữ*” còn biểu hiện ở trong chính sự hồi quy của ngôn ngữ khi nhà thơ chú ý sử dụng các ngữ liệu dân gian và tạo dựng các ẩn dụ - điển cố.

Đọc “*Bóng chữ*”, người ta thấy lấp ló hình ảnh của câu đối kinh điển trong các câu chuyện truyền miệng của người bình dân, hay những bài đồng dao trong trò chơi của con trẻ:

- Một đàn ngày trắng phau phau

Bì bạch bờ xoan nước mát

(Thủy lợi)

- Tim đau xuân

tình rờn rấn đến nhà

Thầy thuốc vắng mộng đuôi tha hồ đuối

(Rồng rắn)

Chữ “*bì bạch*” gợi độc giả nhớ đến câu đối của bà Đoàn Thị Điểm: “*da trắng vỗ bì bạch*”. Đặt trong bối cảnh bài thơ, chữ “*bì bạch*” trong thể phối hợp với những từ ngữ “*một đàn*”, “*trắng phau phau*”, “*nước*

mát” đã gợi sự liên tưởng đến hình ảnh của những thiếu nữ xinh đẹp, trẻ trung với làn da ngà trắng đang ngâm mình, đùa vui trong làn nước mát. Rồi những chữ như: “*thầy thuốc*”, “*rồng rắn*”, “*đến nhà*”, “*đuôi*”, “*đuối*” lại là những chữ cô đọng nghĩa của bài đồng dao trong trò chơi “*Rồng rắn lên mây*” quen thuộc của mỗi đứa trẻ quê xưa.

Bên cạnh các ngữ liệu dân gian, người đọc còn thấy bóng dáng của các điển cố vốn hay được sử dụng trong các thi phẩm trung đại:

Lòng mới ngỏ yêu

tim ngóng nói

Lời tỏ tình chưa sáng soi bình minh

Âm lạ phổ ồn

oanh bỏ đợi

Liễu đầu cành

độc thoại đoạn trường xanh

(Tỏ tình)

“*Liễu*” là một hình ảnh mang tính ước lệ cao đã đi vào tâm thức, vào văn hóa Việt qua “*Truyện Kiều*” của Nguyễn Du, “*Chinh phụ ngâm khúc*” của Đặng Trần Côn. Hình ảnh này gắn với điển cố “*Liễu Chương Đài*”, thường được dùng để chỉ người phụ nữ đẹp mà có thân phận truân chuyên, bất hạnh, đồng thời gợi tả lên sự chia ly, cách biệt trong tình cảm nam nữ. Trong bài thơ trên, Lê Đạt sử dụng nó với tính chất của một ẩn dụ biểu trưng cho trạng thái đơn phương (độc thoại) của một chàng trai đang yêu còn ngại ngùng, ngập ngừng chưa dám cất lời (đối thoại) bày tỏ với cô gái. Ẩn dụ được lồng bóng trong

điển cổ tạo nên tính đa chiều (hiện đại-quá khứ), đa ý cho lời thơ.

Điều đáng chú ý, các lớp từ mang âm hưởng xưa cũ này lại được đặt cạnh lớp từ mang âm hưởng cuộc sống hiện đại như: “*aquarium phố*” (Cá thần tiên), “*chòm nề-ông lợ*” (Phố nề-ông), “*máy kéo, ghé sứt*” (Sông quê II), “*pastel phố lụa, thổ cẩm phơi đào*” (Vườn màu), “*đầu ăng-ten, kênh chờ, ngồn ngang tản số, trung tâm nào ngữ ngoại tìm anh*” (Tổ tình), “*mạch loạn dòng, tình hóc khóa*” (Tình điện toán)... Sự phối hợp giữa hai chiều ngôn ngữ khiến cho thơ Lê Đạt vừa mang dáng dấp của những câu thơ cổ điển, vừa có hình hài cấu trúc khá tân kỳ.

Nhìn lại những cách tân về ngôn ngữ trong tập thơ “*Bóng chữ*”, chúng ta phần nào đánh giá đúng hơn những đóng góp quan trọng của Lê Đạt cho hành trình cách tân thơ Việt. Bên cạnh đó, việc nhận diện được những đặc tính riêng của ngôn ngữ trong tập thơ này sẽ giúp cho độc giả dễ dàng mở được cánh cửa tiếp nhận “*Bóng chữ*” nói riêng và thơ Lê Đạt nói chung, tìm được hạt nhân nghĩa còn ẩn sâu đằng sau lớp vỏ ngôn từ và cùng đồng điệu, thấu cảm với thi nhân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Xuân Nguyên, “Những đoàn khúc Lê Đạt”, *Tạp chí văn hóa Nghệ An*, 6/2014.
2. Đỗ Lai Thúy, Lê Đạt - Chữ (Nhân giỗ 49 ngày nhà thơ Lê Đạt). nguồn Vietnamnet.vn
3. Đỗ Lai Thúy, Trần Dân, “Một thi trình sạch”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, số 4, 5-2008.
4. Trần Ngọc Hiếu, “Tìm hiểu một quan niệm nghệ thuật về ngôn từ trong thơ Việt Nam đương đại”, *Tham luận tại Hội thảo toàn quốc “Văn học Việt Nam sau 1975 – Những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy” tại Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội* ngày 26.4.2005.
5. Hoàng Thị Huế, “Quan niệm nghệ thuật của thơ Trần Dân, Lê Đạt nhìn từ phương diện tiếp nhận”, *Tạp chí khoa học Đại học Huế*, số 54, 2009.
6. Lê Đạt, “Chữ bầu lên nhà thơ”, *Văn nghệ*, 34, 1994.
7. Lê Đạt, “Hãy tạo ra những lỗ tai mới”, *Văn nghệ*, 7, 1997.
8. Thụy Khuê, Cấu trúc thơ XV. Thơ Tạo Sinh Lê Đạt, nguồn <http://thuykhue.free.fr/stt/l/chuong15.html>
9. Ngọc Tuấn - Đi tìm bóng chữ trên hình tuyến thơ Lê Đạt, nguồn <http://toivachungtavn.blogspot.com/2010/08/di-tim-bong-chu-tren-hinh-tuyen-tho-le.html>